

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO
TRIỂN KHAI XÂY DỰNG
CƠ SỞ DỮ LIỆU NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(*Thực vụ cuộc họp với Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an ngày 03/3/2026*)

Kính gửi: Thứ trưởng Võ Văn Hưng

Vụ Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Thứ trưởng tình hình triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường như sau:

I. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG, KẾT NỐI CƠ SỞ DỮ LIỆU

1. Tiến độ triển khai, xây dựng các Cơ sở dữ liệu

a) Danh sách các cơ sở dữ liệu (CSDL) được giao

Theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Nghị quyết số 214/NQ-CP, Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao **26** cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin (CSDL, HTTT). Tuy nhiên, do điều chỉnh của Nghị quyết số 11/NQ-CP (*Sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP*), Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao **25** CSDL, HTTT (do gộp Cơ sở dữ liệu về giống cây trồng và Cơ sở dữ liệu trồng trọt thành Cơ sở dữ liệu trồng trọt).

Trong đó, tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và Nghị quyết số 11/NQ-CP có **12** CSDL¹; tại Nghị quyết số 214/NQ-CP được giao bổ sung thêm **13** CSDL, HTTT².

¹ **Bao gồm:** (1) CSDL quốc gia về đất đai; (2) CSDL khí tượng thủy văn quốc gia; (3) CSDL nền địa lý quốc gia; (4) CSDL nghề cá quốc gia (Vnfishbase); (5) CSDL nuôi trồng thủy sản; (6) CSDL trồng trọt (bao gồm luôn CSDL về giống cây trồng); (7) CSDL về khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo; (8) CSDL viễn thám quốc gia; (9) CSDL báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và môi trường; (10) CSDL môi trường quốc gia; (11) CSDL hộ nghèo, hộ cận nghèo; (12) CSDL ngành nông nghiệp.

² **Bao gồm:** (1) CSDL Quản lý Thuốc Bảo vệ thực vật; (2) Cơ sở dữ liệu Quản lý mã số vùng trồng xuất khẩu; (3) CSDL quản lý thức ăn chăn nuôi nhập khẩu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia; (4) CSDL về thức ăn chăn nuôi sản xuất trong nước được phép lưu hành tại Việt Nam; (5) CSDL về quản lý thức ăn chăn nuôi nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam; (6) Hệ thống Cơ sở dữ liệu về bố trí dân cư nông thôn; (7) CSDL Báo cáo tiến độ sản xuất ngành trồng trọt; (8) CSDL bảo hộ giống cây trồng; (9) CSDL rừng; (10) Hệ thống thư điện tử công vụ của Bộ Nông nghiệp và môi trường; (11) Hệ thống Văn phòng điện tử và cơ sở dữ liệu văn bản, hồ sơ, tài liệu; (12) Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường; (13) Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu lưu trữ điện tử.

b) Kết quả triển khai, thực hiện

Trong tổng số **25 CSDL, HTTT** được giao, kết quả thực hiện như sau:

- **04 HTTT** đã được xây dựng và đưa vào khai thác, sử dụng (*Hệ thống thư điện tử công vụ của Bộ Nông nghiệp và môi trường; Hệ thống Văn phòng điện tử và cơ sở dữ liệu văn bản, hồ sơ, tài liệu; Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu lưu trữ điện tử*).

- **21 CSDL** đã được xây dựng và đang tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện để từng bước đáp ứng đầy đủ các tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

- Đối với **12 CSDL** được giao theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và Nghị quyết số 11/NQ-CP, kết quả triển khai, thực hiện được đánh giá dựa trên **06 tiêu chí** của Nhóm công tác số 3, Ban Chỉ đạo Trung ương. Tính đến thời điểm hiện tại (25/02/2026), Cục Chuyển đổi số đã phối hợp với C06 để đưa ra kết quả đánh giá cho từng CSDL như sau: CSDL quốc gia về đất đai: 5/6; CSDL nghề cá quốc gia: 5/6; CSDL trồng trọt: 4/6; CSDL hộ nghèo, hộ cận nghèo: 4/6; CSDL báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và môi trường: 4/6; CSDL khí tượng thủy văn quốc gia: 4/6; CSDL môi trường quốc gia: 4/6; CSDL nền địa lý quốc gia: 4/6; CSDL về khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo: 4/6; CSDL viễn thám quốc gia: 4/6; CSDL nuôi trồng thủy sản: 4/6; CSDL ngành nông nghiệp: 2/6.

Kết quả đánh giá theo 06 tiêu chí, cụ thể như sau:

TT	Tên CSDL	Quy định trách nhiệm tạo lập	Đã hình thành nền tảng	Đã làm sạch dữ liệu, đối soát với CSDL dân cư	Đã có giải pháp kỹ số, chứng thư số công vụ	Đã có kết nối, chia sẻ dữ liệu nội ngành, ngoại ngành	Dữ liệu phát sinh được cập nhật theo thời gian thực về Trung tâm dữ liệu quốc gia	Kết quả đánh giá
1	Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	✓	✓	✓	✓	✓	Không	5/6
2	Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (Vnfishbase)	✓	✓	✓	✓	✓	Không	5/6
3	Cơ sở dữ liệu báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và môi trường	✓	✓	Không	✓	✓	Không	4/6
4	Cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia	✓	✓	Không	✓	✓	Không	4/6
5	Cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia	✓	✓	Không	✓	✓	Không	4/6
6	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	✓	✓	Không	✓	✓	Không	4/6

TT	Tên CSDL	Quy định trách nhiệm tạo lập	Đã hình thành nền tảng	Đã làm sạch dữ liệu, đối soát với CSDL dân cư	Đã có giải pháp kỹ số, chứng thư số công vụ	Đã có kết nối, chia sẻ dữ liệu nội ngành, ngoại ngành	Dữ liệu phát sinh được cập nhật theo thời gian thực về Trung tâm dữ liệu quốc gia	Kết quả đánh giá
7	Cơ sở dữ liệu về khai thác sử dụng tài nguyên biển và hải đảo	√	√	Không	√	√	Không	4/6
8	Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia	√	√	Không	√	√	Không	4/6
9	Cơ sở dữ liệu trồng trọt	√	√	Không	√	√	Không	4/6
10	Cơ sở dữ liệu nuôi trồng thủy sản	√	√	Không	√	√	Không	4/6
11	Cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo	√	Không	√	√	√	Không	4/6
12	Cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp	√	Không	Không có nội dung liên quan với CSDL dân cư	√	Đã kết nối nội ngành	Không	2/6

2. Xây dựng hành lang pháp lý, công tác chỉ đạo điều hành

a) Xây dựng thể chế, hành lang pháp lý

Để triển khai, thực hiện nhiệm vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch, chương trình hành động; thành lập ban chỉ đạo, tổ công tác và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, đơn vị nhằm đảm bảo việc triển khai, thực hiện được xuyên suốt, thống nhất, cụ thể như sau:

- Bộ ban hành **02** Kế hoạch: (1) Kế hoạch xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết số 71/NQ-CP³; (2) Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/07/2025 của Chính phủ⁴.

- Bộ đã phối hợp với Bộ Công an ban hành **02** Kế hoạch phối hợp: (1) Kế

³ Quyết định số 2914/QĐ-BNNMT ngày 30/7/2025.

⁴ Quyết định số 3211/QĐ-BNNMT ngày 14/8/2025.

hoạch phối hợp triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06/CP⁵; (2) Kế hoạch phối hợp triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai⁶ (Kế hoạch 90 ngày đêm).

- Bộ đã ban hành Quyết định số 4731/QĐ-BNNMT ngày 11/11/2025 phê duyệt Chiến lược dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.

- Bộ đã kiện toàn Ban Chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06⁷; ban hành Quy chế hoạt động⁸; Phân công thực hiện⁹ và thành lập các Tổ công tác giúp việc Ban chỉ đạo của Bộ.

- Quyết định số 4742/QĐ-BNNMT ngày 11/11/2025 Ban hành Chiến lược chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.

- Quyết định số 5445/QĐ-BNNMT ngày 17/12/2025 về việc Ban hành Khung kiến trúc số của Bộ.

- Quy định kỹ thuật cho 19/25 cơ sở dữ liệu¹⁰ giao tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Nghị quyết số 214/NQ-CP.

- Ngày 19 tháng 01 năm 2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định số 200/QĐ-BNNMT về việc thành lập Ban Chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường về dữ liệu. Hiện tại, đang xem xét ban hành Quy chế và Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo về dữ liệu.

Đánh giá của C12: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường cần ban hành đầy đủ: Danh mục dữ liệu gốc, Dữ liệu chủ, Danh mục dữ liệu khác cần thiết phục vụ các mục tiêu của bộ, cơ quan trung ương, địa phương, Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu, Từ điển dữ liệu, Quy trình, quy chế thực hiện quản trị dữ liệu.*

b) Xây dựng và ban hành các quy định kỹ thuật về CSDL

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Quy định kỹ thuật cho 19 cơ sở dữ liệu (CSDL), gồm: CSDL quốc gia về đất đai¹¹; CSDL nền địa lý quốc gia

⁵ Kế hoạch 395/KHPH-BCA-BNN&MT ngày 27/6/2025.

⁶ Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025.

⁷ Quyết định số 1968/QĐ-BNNMT ngày 6/6/2025.

⁸ Quyết định số 01/QĐ-BCĐNNMT ngày 03/9/2025.

⁹ Quyết định số 02/QĐ-BCĐNNMT ngày 03/9/2025.

¹⁰ CSDL nền địa lý quốc gia các tỷ lệ; CSDL tài nguyên nước quốc gia; CSDL quốc gia về biến đổi khí hậu; CSDL khí tượng thủy văn quốc gia; CSDL biển và hải đảo; CSDL môi trường; CSDL viễn thám; CSDL tổng hợp ngành nông nghiệp; CSDL thống kê ngành Nông nghiệp và Môi trường; CSDL trồng trọt và bảo vệ thực vật; CSDL chăn nuôi và thú y; CSDL thủy sản và kiểm ngư; CSDL lâm nghiệp và kiểm lâm; CSDL lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn; CSDL chất lượng, chế biến và phát triển thị trường; CSDL thủy lợi; CSDL hộ nghèo, hộ cận nghèo; CSDL quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai.

¹¹ Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024

các tỷ lệ¹²; CSDL tài nguyên nước quốc gia¹³; CSDL quốc gia về biến đổi khí hậu¹⁴; CSDL khí tượng thủy văn quốc gia¹⁵; CSDL biển và hải đảo¹⁶; CSDL môi trường¹⁷; CSDL viễn thám¹⁸; CSDL tổng hợp ngành nông nghiệp¹⁹; CSDL thống kê ngành Nông nghiệp và Môi trường²⁰; CSDL trồng trọt và bảo vệ thực vật²¹; CSDL chăn nuôi và thú y²²; CSDL thủy sản và kiểm ngư²³; CSDL lâm nghiệp và kiểm lâm²⁴; CSDL lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn²⁵; CSDL chất lượng, chế biến và phát triển thị trường²⁶; CSDL thủy lợi²⁷; CSDL hộ nghèo, hộ cận nghèo²⁸; CSDL quản lý đô thị và phòng, chống thiên tai²⁹.

3. Về dữ liệu

Đã thiết lập mô hình dữ liệu cho tất cả các CSDL trên hạ tầng số dùng chung của Bộ (căn cứ các Quy định kỹ thuật đã được ban hành). Tiến hành chuẩn hóa, số hóa bổ sung, kết nối cập nhật số liệu từ địa phương, chuyển đổi dữ liệu vào CSDL dùng chung của Bộ. Trong đó, một số CSDL điểm nhấn, trọng tâm:

(1) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đất đai

Đã hoàn thành xây dựng CSDL quốc gia về đất đai; Chiến dịch 90 ngày làm giàu, làm sạch dữ liệu đất đai:

- Tổng số thửa đất đã rà soát, phân loại **62,2 triệu** thửa đất, trong đó:

(i) Có hơn **42 triệu** thửa đất (**42.539.492** thửa đất - số liệu tăng theo thời gian thực) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCN), được xác thực, đồng bộ thông tin chủ sử dụng với CSDL quốc gia về dân cư, đủ điều kiện thay thế thành phần sơ, giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) và tích hợp với VNeID. Trong đó hơn **23 triệu** thửa đất (**23.747.757**) đầy đủ các thành phần dữ liệu thuộc tính, không gian, bản quét; hơn **18 triệu** thửa đất (**18.791.735**) chưa đầy đủ cả 3 thành phần.

¹² Các Thông tư số: 08/2023/TT-BTNMT ngày 31/7/2023; 21/2023/TT-BTNMT ngày 30/11/2023; 59/2025/TT-BNNMT ngày 18/9/2025

¹³ Thông tư số 64/2025/TT-BNNMT ngày 10/11/2025

¹⁴ Thông tư số 72/2025/TT-BNNMT ngày 22/12/2025

¹⁵ Quyết định số 3928/QĐ-BNNMT ngày 24/9/2025

¹⁶ Quyết định số 5156/QĐ-BNNMT ngày 05/11/2025

¹⁷ Quyết định số 5473/QĐ-BNNMT ngày 18/12/2025

¹⁸ Quyết định số 5518/QĐ-BNNMT ngày 19/12/2025

¹⁹ Quyết định số 5277/QĐ-BNNMT ngày 15/12/2025

²⁰ Quyết định số 4692/QĐ-BNNMT ngày 07/11/2025

²¹ Quyết định số 4057/QĐ-BNNMT ngày 30/09/2025

²² Quyết định số 4999/QĐ-BNNMT ngày 25/11/2025

²³ Quyết định số 4440/QĐ-BNNMT ngày 25/10/2025

²⁴ Quyết định số 5611/QĐ-BNNMT ngày 23/12/2025

²⁵ Quyết định số 5333/QĐ-BNNMT ngày 17/12/2025

²⁶ Quyết định số 5757/QĐ-BNNMT ngày 29/12/2025

²⁷ Quyết định số 63/QĐ-BNNMT ngày 10/1/2025

²⁸ Quyết định số 4092/QĐ-BNNMT ngày 03/10/2025

²⁹ Quyết định số 305/QĐ-BNNMT ngày 26/01/2026

(ii) Còn hơn **18** triệu thửa đất (**18.606.456**) chưa được cấp GCN hoặc cần cập nhật, xác thực với CSDL quốc gia về dân cư.

- Kết quả đồng bộ từ địa phương vào CSDL quốc gia về đất đai (số liệu ngày 18/12/2025) : 34/34 tỉnh, thành với **3.289/3.321** xã/phường đã đồng bộ vào CSDL quốc gia về đất đai tại Trung ương, tổng số thửa đất đã đồng bộ trên 61 triệu (**61.229.990**).

- Bộ đã hoàn thành việc kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng đối với Phân hệ kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Hệ thống Định danh và xác thực điện tử của Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; sẵn sàng kết nối với CSDL quốc gia về dân cư.

- Kết nối, đồng bộ CSDL quốc gia về đất đai với CSDL quốc gia về dân cư (C06): Đã thực hiện ký số và bàn giao đồng bộ dữ liệu lần đầu (ngày 06/12/2025) là hơn 2 triệu thửa đất sạch, và sẵn sàng bàn giao phần dữ liệu còn lại đã được ký số, đủ điều kiện tích hợp với VNeID (bao gồm 21 triệu thửa đất sạch và gần 19 triệu thửa đã được xác thực chủ sử dụng).

- Kết nối, đồng bộ CSDL quốc gia về đất đai với Trung tâm dữ liệu quốc gia (C12): Đã triển khai các điều kiện kỹ thuật để thực hiện kết nối, đồng bộ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai với Trung tâm dữ liệu quốc gia (C12).

Đánh giá, đề xuất của C12: Đầu mỗi Cục chủ quản phối hợp với TTDLQG, trao đổi, thống nhất, hoàn thiện tài liệu đặc tả API, trước khi đồng bộ dữ liệu thật.

(2) Cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia

Đã và đang tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác sử dụng dữ liệu quan trắc bao gồm: CSDL quan trắc thời gian thực của các trạm quan trắc khí tượng thủy văn (KTTV) và môi trường tự động; CSDL quan trắc KTTV của các trạm quan trắc thù công; Dữ liệu vệ tinh thời tiết; Dữ liệu radar thời tiết; CSDL về thiên tai và rủi ro thiên tai...

Đánh giá, đề xuất của C12: Đầu mỗi Cục chủ quản phối hợp với TTDLQG nhằm xác định các nhóm dữ liệu đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống” có thể đồng bộ về TTDLQG.

(3) Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia

Đối với dữ liệu nền địa lý Quốc gia, đã xây dựng CSDL nền địa lý quốc gia phần đất liền tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000, 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000 phủ trùm cả nước và hoàn thành xây dựng CSDL nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 các khu vực đô thị, khu vực công nghiệp, khu vực kinh tế trọng điểm.

Đánh giá, đề xuất của C12: Đầu mỗi Cục chủ quản phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia để xác định các lớp dữ liệu và tỷ lệ đồng bộ đồng bộ về. Đối với Dữ liệu bản đồ ít biến động (không quá 5 năm và không quá 07 năm đối với tỷ lệ trung bình và nhỏ vùng biển Việt Nam, định kỳ hàng năm với dữ liệu giao

thông, dân cư) sẽ đồng bộ offline dữ liệu lịch sử. Triển khai luồng đồng bộ kỹ thuật API với các thay đổi dữ liệu bản đồ lịch sử đã đồng bộ lần đầu, và các dữ liệu bản đồ cập nhật ngay khi có biến động (dữ liệu biên giới quốc gia, địa giới hành chính, khu vực có sự thay đổi bất thường phục vụ phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu).

(4) Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (Vnfishbase)

- Bộ đã hoàn thành ban hành 02 Thông tư³⁰ là cơ sở pháp lý để triển khai các nhiệm vụ định danh tàu thuyền trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử.

- Bộ đã giao Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Chuyển đổi số phối hợp với các đơn vị của Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ giao Bộ chủ trì, phối hợp tại Kế hoạch số 481/KH-TCTTKĐA-C06 ngày 08/8/2025 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 về triển khai định danh tàu thuyền trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Đã hoàn thành chuẩn bị hạ tầng và đánh giá an toàn thông tin phục vụ kết nối với CSDL quốc gia về dân cư để liên thông dữ liệu đăng ký tàu cá, nhật ký khai thác thủy sản để khai báo lưu trú cho các thuyền viên, chủ tàu thuyền trên tàu cá; đã hoàn thành tích hợp trên ứng dụng VNeID.

- **Đã hoàn thành** đối soát dữ liệu với **82.061** tàu cá phục vụ đồng bộ dữ liệu nghề cá quốc gia (tàu đánh cá, chủ tàu và các thuyền viên trên tàu) với CSDL quốc gia về dân cư để làm sạch dữ liệu.

- Bộ đã chỉ đạo các đơn vị (Cục Thủy sản và Kiểm ngư; Cục Chuyển đổi số) làm việc với Cục C06 (Bộ Công an) và các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng để triển khai các giải pháp để kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Bộ Công an) và các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của Bộ Quốc phòng.

Đánh giá, đề xuất của C12: Đầu mỗi Cục chủ quản phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia làm rõ các nghiệp vụ, các nhóm dữ liệu đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống” có thể đồng bộ về TTDLQG, nhằm triển khai xây dựng tài liệu kỹ thuật API.

(5) Cơ sở dữ liệu nuôi trồng thủy sản

Hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu về nuôi trồng thủy sản thuộc cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản (<http://ntts.tongcucthuysan.gov.vn>) đã được triển khai nhằm thực hiện công tác quản lý dữ liệu đối với các cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

Cơ sở dữ liệu nuôi trồng thủy sản đã được xây dựng và đang được nâng cấp, mở rộng, hoàn thiện để cập nhật thông tin dữ liệu như loại đối tượng, tên cơ sở, diện tích, số lượng ao nuôi,... theo quy định của Thông tư số 24/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

³⁰ Thông tư số 06/TT-BNNPTNT ngày 06/05/2024; Thông tư số 05/2025/TT-BNNMT ngày 02/6/2025.

thôn. Cục Thủy sản và Kiểm ngư đang phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy định về khung quản trị dữ liệu; tổ chức chuẩn hóa, bổ sung và liên thông, đồng bộ cơ sở dữ liệu của địa phương; kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính và công tác chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ.

Đánh giá, đề xuất của C12: *Tương tự Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (Vnfishbase) vì cùng Cục chủ quản.*

(6) Cơ sở dữ liệu trồng trọt

Cơ sở dữ liệu ngành trồng trọt (<https://csdltrongtrot.vnptgreen.vn>), đáp ứng một phần dữ liệu về giống cây trồng lưu hành; giống cây trồng bảo hộ; quản lý cấp mã số vùng trồng theo quy định tại Thông tư số 18/2019/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc cung cấp thông tin, cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt. Đây là phần mềm Bộ được VNPT tài trợ từ năm 2022, chủ yếu phục vụ một số báo cáo số liệu theo các tiêu chí, yêu cầu của Bộ. Hệ thống chưa kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống liên quan; chưa đồng bộ, tổng hợp được cơ sở dữ liệu thống nhất, đầy đủ, dùng chung cho toàn ngành nông nghiệp và kết nối với Trung tâm dữ liệu quốc gia; đồng thời chưa phù hợp với tổ chức chính quyền 2 cấp. Do vậy, cần được xây dựng để đáp ứng tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống”, kết nối, chia sẻ dùng chung và đáp ứng theo quy định tại Quyết định số 4057/QĐ-BNNMT.

Đánh giá, đề xuất của C12: *Đầu mối Cục chủ quản phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia, cho ý kiến vào dự thảo tài liệu API mà TTDLQG đã gửi, nhằm thống nhất triển khai đồng bộ kỹ thuật.*

(7) Cơ sở dữ liệu về giống cây trồng

Đã được xây dựng và đưa vào khai thác, sử dụng, đối tượng dữ liệu được quản lý, cập nhật bao gồm các thông tin về tổ chức, cá nhân đủ điều kiện sản xuất giống cây trồng; tổ chức khảo nghiệm, thử nghiệm; tổ chức chứng nhận giống cây trồng đã đăng ký hoặc được chỉ định; cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng; hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu giống cây trồng; danh mục loài cây trồng chính; danh mục giống cây trồng được phép lưu hành tại Việt Nam; danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu; danh mục giống cây trồng được bảo hộ và các thông tin liên quan khác. Tuy nhiên, dữ liệu hiện chưa đầy đủ, chưa hoàn thiện, cần tiếp tục cập nhật, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu kết nối, liên thông, đồng bộ và chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương về trồng trọt cũng như các cơ sở dữ liệu quốc gia khác của các bộ, ngành.

Đánh giá, đề xuất của C12: *Tương tự Cơ sở dữ liệu về giống cây trồng vì cùng Cục chủ quản.*

(8) Cơ sở dữ liệu về khai thác sử dụng tài nguyên biển và hải đảo

Đã được xây dựng và vận hành từ năm 2023 trên phạm vi 28 tỉnh có biển (trước đây), nhằm quản lý, chia sẻ và cung cấp thông tin, dữ liệu về giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển, phục vụ công tác quản lý nhà nước,

hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về giao khu vực biển, nhận chìm ở biển, khai thác, sử dụng tài nguyên biển; đồng thời kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và công tác chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ.

Đánh giá, đề xuất của C12: *Đầu mối Cục chủ quản phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia, cho ý kiến vào dự thảo tài liệu API mà TTDLQG đã gửi, TTDLQG sẽ bổ sung thêm các trường dữ liệu phục vụ thủ tục hành chính cho các dịch vụ công sắp triển khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.*

(9) Cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia

Đã xây dựng, vận hành CSDL viễn thám quốc gia (gồm 02 CSDL thành phần là CSDL siêu dữ liệu viễn thám quốc gia và CSDL ảnh viễn thám quốc gia) và chia sẻ cung cấp cho các cơ quan, bộ, ngành, địa phương phục vụ công tác điều tra, đánh giá, theo dõi, giám sát, cập nhật thông tin quản lý, phát triển kinh tế - xã hội.

Đánh giá, đề xuất của C12: *Đầu mối Cục chủ quản phối hợp với TTDLQG nhằm xác định các nhóm dữ liệu đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống” có thể đồng bộ về TTDLQG.*

(10) Cơ sở dữ liệu báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và môi trường

Đã xây dựng, vận hành, chia sẻ và cung cấp thông tin, dữ liệu, số liệu theo các chỉ tiêu thống kê của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngành tài nguyên và môi trường từ thời kỳ trước. Vụ Kế hoạch – Tài chính, Cục Chuyển đổi số và các đơn vị liên quan tiếp tục hoàn thiện, hợp nhất quy định về hệ thống chỉ tiêu, chế độ thống kê báo cáo của ngành nông nghiệp và môi trường; xây dựng khung quản trị dữ liệu, quy định kỹ thuật; xây dựng, hợp nhất và hoàn thiện Nền tảng báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và môi trường, bảo đảm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về thu thập, trích xuất, chuẩn hóa, tổng hợp, phân tích, báo cáo, công bố, khai thác, kết nối, tích hợp và chia sẻ thông tin, dữ liệu thống kê theo quy định.

Đánh giá, đề xuất của C12: *Đầu mối Cục chủ quản phối hợp với TTDLQG nhằm xác định các nhóm dữ liệu đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống” có thể đồng bộ về TTDLQG.*

(11) Cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia

Cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia được triển khai theo lộ trình 2 giai đoạn: Giai đoạn 1, bắt đầu từ năm 2021, tập trung xây dựng khung cấu trúc tổng thể và hệ thống quản lý các đối tượng dữ liệu cốt lõi. Do được xây dựng từ năm 2021 nên nhiều nội dung thiết kế và chức năng ban đầu không còn phù hợp với các quy định và yêu cầu quản lý dữ liệu hiện hành; Giai đoạn 2, hiện đang trình phê duyệt để tiếp tục xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các hạng mục nhằm đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu môi trường theo quy định mới. Hệ thống vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và sẽ chỉ vận hành ổn định khi hoàn thành cả 2 giai đoạn xây dựng.

Đánh giá, đề xuất của C12: *Đầu mối Cục chủ quản phối hợp với TTDLQG nhằm xác định các nhóm dữ liệu đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống” có thể đồng bộ về TTDLQG.*

(12) Cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo

Được xây dựng từ các năm 2022, 2023 với mục tiêu quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo, hiện nay CSDL này đang quản lý, lưu trữ dữ liệu khoảng 5,4 triệu hộ nghèo, hộ cận nghèo, đã cung cấp cho Cục C06 Bộ Công an phục vụ tích hợp, làm giàu CSDL quốc gia về dân cư. Tuy nhiên, 5,4 triệu dữ liệu được đánh giá là có thể chưa đầy đủ do chỉ được thu thập, tổng hợp từ báo cáo các địa phương, do vậy cần xây dựng một hệ thống và CSDL hoàn chỉnh, thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương và đưa vào cài đặt, vận hành trên hạ tầng dùng chung của Bộ để phục vụ công tác quản lý, vận hành, thu thập, cập nhật dữ liệu được liên tục, đầy đủ, chính xác và kịp thời, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư, CSDL tổng hợp quốc gia của Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

Đánh giá, đề xuất của C12: *Đầu mối Cục chủ quản phối hợp với TTDLQG nhằm xác định các nhóm dữ liệu đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống” có thể đồng bộ về TTDLQG.*

(13) Cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp

Cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp là một hệ sinh thái được hình thành từ nhiều cơ sở dữ liệu thành phần, là cơ sở dữ liệu có quy mô rất lớn, đa dạng lĩnh vực, tính chất phức tạp và phân cấp sâu rộng, quản lý nhiều đối tượng và chủ thể dữ liệu, phạm vi triển khai trên toàn quốc, với khối lượng thông tin, số liệu, dữ liệu rất lớn và biến động liên tục theo thời gian thực.

Trong các cơ sở dữ liệu thành phần, một số cơ sở dữ liệu đã và đang được triển khai xây dựng, tuy nhiên nhìn chung vẫn mang tính rời rạc, không đồng bộ, công nghệ lạc hậu, chưa được chuẩn hóa, quản lý không tập trung và phân tán tại các cục chuyên ngành; do đó việc khai thác, sử dụng chưa hiệu quả, tiềm ẩn nguy cơ cao mất an ninh, an toàn thông tin, đồng thời gây nhiều khó khăn trong việc tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu nội bộ của Bộ với nhau cũng như với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành, địa phương.

Để triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp một cách bài bản, đồng bộ, tổng thể và có quy mô, trong giai đoạn này cần tập trung xây dựng các quy định kỹ thuật về dữ liệu; mô hình kiến trúc, cấu trúc dữ liệu; tuân thủ khung quản trị, quản lý dữ liệu; thống nhất phương án cài đặt, triển khai tập trung trên hạ tầng dùng chung của Bộ; đồng thời tiếp tục xây dựng, nâng cấp, mở rộng, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu, tiến tới hoàn thiện cơ sở dữ liệu đáp ứng các tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, phục vụ khai thác, sử dụng hiệu quả và tích hợp, kết nối, đồng bộ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương và cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia của Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

Đánh giá, đề xuất của C12: *Đầu mối Cục chủ quản phối hợp với TTDLQG*

tạo nhóm làm việc, xác định các nhóm dữ liệu đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống” có thể đồng bộ về TTDLQG.

4. Hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo an ninh, an toàn thông tin

a) Về hạ tầng kỹ thuật

- Bộ đã xây dựng và đưa vào hoạt động các Trung tâm dữ liệu (TTDL) dùng chung của Bộ³¹ đảm bảo khả năng xử lý song song và dự phòng. Trong đó TTDL chính của Bộ đặt tại TP. Hà Nội về cơ bản đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo chuẩn Tier III. Trung tâm Dữ liệu quốc gia đã phối hợp với Cục Chuyển đổi số lắp đặt 01 máy chủ Agent Node cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại số 28 Phạm Văn Đồng. TTDL đặt tại TP. Cần Thơ đáp ứng các yêu cầu về dự phòng, lưu trữ đối với các CSDL, hệ thống thông tin quan trọng.

- Về hạ tầng kỹ thuật, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẵn sàng triển khai, cài đặt, duy trì và vận hành các CSDL, hệ thống thông tin, nền tảng dùng chung trên nền tảng hạ tầng kỹ thuật dùng chung của Bộ nhằm đảm bảo việc quản lý, thu thập, cập nhật, số hóa và khai thác, sử dụng dữ liệu theo định hướng, chủ trương chung trong Chiến lược dữ liệu đã được Bộ ban hành tại Quyết định số 4731/QĐ-BNNMT ngày 11/11/2025, hướng tới mục tiêu hiệu năng, hiệu quả, an toàn, thông nhất từ Trung ương đến địa phương và tránh đầu tư trùng lặp, lãng phí.

Đánh giá của C12 về tồn tại, hạn chế: *Công nghệ, hạ tầng số, ứng dụng rời rạc, thiếu nền tảng và chuẩn kết nối; còn nhiều hệ thống lạc hậu; phụ thuộc công nghệ đóng, khó nâng cấp (chủ yếu tại các CSDL thuộc nhóm nông nghiệp). Hạ tầng số hiện có chủ yếu phục vụ tác nghiệp nội bộ, chưa đáp ứng yêu cầu liên thông quốc gia.*

b) Về an ninh, an toàn thông tin

- Công tác bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường ưu tiên và đặt lên hàng đầu; tiếp tục rà soát về an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin, CSDL và đầu tư trang thiết bị hiện đại, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin phục vụ giám sát, bảo đảm an toàn, khắc phục sự cố về an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Công an (A05, A06, C06) giám sát chặt chẽ các hệ thống trọng yếu của Bộ. Tiến hành rà quét, đánh giá an toàn thông tin mạng, an ninh mạng đối với CSDL quốc gia về đất đai, CSDL nghề cá quốc gia phục vụ kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử, Trung tâm dữ liệu quốc gia; Phối hợp với Cục C06, Trung tâm Dữ liệu quốc gia (C12) chủ trì, phối hợp đánh giá về an toàn thông tin để các CSDL quốc gia, chuyên ngành, các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của Bộ đáp ứng yêu cầu về khai thác, sử dụng và kết nối, đồng bộ dữ liệu về C06, C12 theo yêu cầu.

³¹ (1) Trung tâm dữ liệu (TTDL) tại Trụ sở Bộ - Số 10 Tôn Thất Thuyết, Hà Nội; (2) TTDL tại Cục Chuyển đổi số - Số 28 Phạm Văn Đồng; Hà Nội; (3) Phòng máy chủ tại số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội; (4) TTDL vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại TP. Cần Thơ; (5) TTDL dự phòng tại số 36 Lý Văn Phúc, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

c) Đường truyền

Cục Chuyển đổi số đã làm việc với Cục Bưu điện Trung ương để cấp thêm 05 IP và nâng tốc độ kênh truyền CPNet hiện tại từ 50 Mbps lên tốc độ khuyến nghị của TTDLQG là 200 Mbps, Cục BĐTW đã cấp đủ 05 IP nhưng vẫn chưa nâng tốc độ kênh truyền.

Đánh giá, đề xuất của C12: *Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương nâng tốc độ kênh truyền CPNet theo khuyến nghị của TTDLQG, vì tốc độ hiện tại có thể ảnh hưởng đến việc đồng bộ dữ liệu trong tương lai.*

d) Ký số

Trung tâm dữ liệu quốc gia đã gửi công văn số 2071/BCA-TTDLQG ngày 19/5/2025 về việc hướng dẫn triển khai giải pháp ký số dữ liệu khi đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia. Ban Cơ yếu Chính phủ đã có công văn số 681/BCY-CTSBMTT ngày 17/10/2025 về việc hướng dẫn triển khai dịch vụ ký số, xác thực phục vụ đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Cục chuyển đổi số đã phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ (BCYCP) triển khai giải pháp ký số của BCYCP (cài softHSM trên máy chủ của Bộ) để thực hiện ký số trước khi đồng bộ dữ liệu về C12 và C06.

Đề xuất: Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương nâng cấp lên HSM cứng, vì hiệu năng ký số của giải pháp softHSM không đảm bảo khi lượng dữ liệu đồng bộ về lớn, kích thước file dữ liệu nặng, đặc biệt là các dữ liệu không gian đặc thù của đất đai, nền địa lý, viễn thám.

5. Kết nối, đồng bộ dữ liệu lên Trung tâm Dữ liệu quốc gia

a) Thiết kế mô hình, tạo lập CSDL tại Trung tâm dữ liệu của Bộ

Căn cứ vào các Quy định kỹ thuật đã được ban hành, Cục Chuyển đổi số đã tạo lập, thiết kế, cài đặt và triển khai mô hình dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu của Bộ, sẵn sàng cho việc khai thác, sử dụng và kết nối, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia (của C12) và các CSDL của các bộ ngành, địa phương khác.

b) Kết nối, đồng bộ dữ liệu lên Trung tâm Dữ liệu quốc gia (C12)

Cục Chuyển đổi số đã chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật; thiết kế, cài đặt, triển khai mô hình dữ liệu dùng chung tại Trung tâm dữ liệu của Bộ; đảm bảo an ninh, an toàn thông tin. Ngoài ra, Cục đang phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trực thuộc Bộ (Cục chuyên ngành) và Trung tâm Dữ liệu quốc gia (C12)³² để tiến hành kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu cho các CSDL của Bộ Nông nghiệp và Môi trường lên Trung tâm dữ liệu quốc gia.

³²Cục Chuyển đổi số đã có văn bản số 1570/CĐS-DL ngày 05/11/2025; số 1900/CĐS-DL ngày 18/12/2025 gửi Trung tâm dữ liệu quốc gia (C12) và các đơn vị trực thuộc Bộ thống nhất kế hoạch kết nối, đồng bộ dữ liệu từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường lên Trung tâm dữ liệu quốc gia. Ngày 27/2/2026 và ngày 2/3/2026 Cục Chuyển đổi số ban hành 04 có công văn số: 250/CĐS-DL; 252/CĐS-DL; 253/CĐS-DL; 256/CĐS-DL gửi các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ (quản lý các CSDL) đôn đốc xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu và kết nối, đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

6. Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm khác

a) Giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Bộ đã hoàn thành hợp nhất Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) theo mô hình tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương bắt đầu từ ngày 01/01/2026. Trong đó, đã hoàn thành tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng thanh toán trực tuyến, Cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp và đang triển khai tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (VNeID), bưu chính công ích và các hệ thống thông tin chuyên ngành khác. Tính đến ngày 25/02/2026, hệ thống ghi nhận tổng số **52.260** hồ sơ phát sinh, trong đó số hồ sơ trực tuyến là **50.446** hồ sơ, đạt tỉ lệ 96,53%.

- Về việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC có thành phần hồ sơ (TPHS) được thay thế bằng dữ liệu rà soát: Bộ đã có văn bản gửi Bộ Tư pháp³³, theo đó, Bộ đã rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa đối với 79 TTHC có thể thay thế TPHS bằng dữ liệu.

b) Xây dựng bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành

- Bộ đã giao Cục chuyên đổi số và các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ làm việc cụ thể với Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ) và các đơn vị của Bộ Công an (C06, C12) để xác định rõ 14 chỉ tiêu thông tin, dữ liệu³⁴ cần cung cấp phục vụ chỉ đạo điều hành của Thủ tướng Chính phủ.

- Bộ đã ban hành Quyết định về danh mục thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Bộ Nông nghiệp và Môi trường³⁵ bảo đảm phục vụ chỉ đạo, điều hành của Bộ; kết nối, cung cấp theo 14 chỉ tiêu thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành của Thủ tướng Chính phủ.

c) Về nguồn lực triển khai, thực hiện

Bộ Nông Nghiệp và Môi trường đang phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và các đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ, quy trình, thủ tục để sớm được xem xét cấp vốn, đảm bảo nguồn lực triển khai, thực hiện nhiệm vụ.

d) Phối hợp với Doanh nghiệp đồng hành

Theo chỉ định của Chính phủ, doanh nghiệp đồng hành với Bộ Nông nghiệp và Môi trường là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) và Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel). Hiện tại, công tác phối hợp, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ vẫn được duy trì, phân công rõ ràng và đảm bảo theo yêu cầu.

7. Khó khăn, vướng mắc

Tuy đạt được một số kết quả nhưng vẫn còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc sau:

³³ Công văn số 8779/BNNMT-VP ngày 06/11/2025.

³⁴ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

³⁵ Quyết định số 3013/QĐ-BNNMT ngày 4/8/2025.

a) Khó khăn vướng mắc chung

- Cơ chế, chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật về xây dựng và tạo lập dữ liệu còn thiếu, chưa hoàn thiện; cơ chế tài chính cho duy trì, vận hành và cập nhật dữ liệu để đảm bảo dữ liệu được “đúng, đủ, sạch, sống” còn khó khăn, chưa có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng.

- Hạ tầng số và công nghệ: ứng dụng rời rạc, thiếu nền tảng và chuẩn kết nối; còn nhiều hệ thống lạc hậu; phụ thuộc công nghệ đóng, khó nâng cấp.

- Nguồn lực: nhân lực chuyên trách về chuyển đổi số còn thiếu; ngân sách dành cho triển khai xây dựng các CSDL còn chưa tương xứng.

b) Đặc thù về dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường

- Dữ liệu lớn, phức tạp; phạm vi, đối tượng rộng, trên cả nước: Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với 16 lĩnh vực³⁶, do vậy dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường rất đa dạng, lớn về dung lượng, thông tin phức tạp nhiều chiều, đối tượng phạm vi rộng (số liệu, dữ liệu về nền địa lý, viễn thám...), được thu thập từ các cuộc điều tra, ảnh vệ tinh và các nguồn khác. Do đó, dữ liệu cần phải được xử lý, chuẩn hóa, làm sạch trước khi cập nhật vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phục vụ khai thác, sử dụng và kết nối, đồng bộ dữ liệu lên C12.

- Dữ liệu mang tính chất địa phương: Một số dữ liệu được thu thập, cập nhật và thuộc quyền quản lý tại các địa phương (dữ liệu về đất đai; tình hình, tiến độ sản xuất nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản ...). Do vậy, dữ liệu cần được kết nối, thu thập từ địa phương để cập nhật vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu tổng hợp của Bộ trước khi kết nối, đồng bộ với C12.

- Dữ liệu có tính chất thời gian thực: Hiện nay, rất nhiều dữ liệu được thu thập, cập nhật theo thời gian thực (số liệu, dữ liệu về khí hậu, thời tiết, môi trường, cảnh báo cháy rừng, giám sát thiên tai, dịch bệnh ...) từ các trạm quan trắc, thiết bị cảm biến, ảnh viễn thám và cần xử lý, chuẩn hóa, làm sạch trước khi được cập nhật vào cơ sở dữ liệu, phục vụ khai thác, sử dụng và kết nối đồng bộ lên Trung tâm dữ liệu quốc gia (C12).

- Hầu như các CSDL của Bộ chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, đồng bộ, kết nối, dùng chung”. Do vậy, việc khai thác, sử dụng dữ liệu để ra quyết định, điều hành bằng dữ liệu, góp phần giải quyết TTHC còn chưa đạt hiệu quả cao nhất.

- Việc thu nhận, tạo lập dữ liệu còn thủ công, manh mún, còn phụ thuộc vào báo cáo giấy/file rời rạc; dữ liệu độ trễ lớn, sai số cao do chưa khai thác triệt để các công nghệ IoT, viễn thám...; công tác số hóa dữ liệu tại nguồn chưa được quan tâm để đảm bảo tính chính xác, dữ liệu được nhập một lần và thời gian thực.

³⁶ 16 lĩnh vực bao gồm: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng chống thiên tai; phát triển nông thôn; đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; viễn thám (Theo Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025 của Chính Phủ).

c) CSDL ngành nông nghiệp (được giao theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW):

- CSDL ngành nông nghiệp là CSDL tổng hợp, bao gồm các CSDL thành phần, mỗi CSDL thành phần lại gồm các CSDL con chứa thông tin, dữ liệu về các lĩnh vực như: trồng trọt, bảo vệ thực vật; chăn nuôi, thú y; lâm nghiệp, kiểm lâm; thủy sản, kiểm ngư; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; chất lượng, chế biến và phát triển thị trường; khuyến nông; hợp tác xã và ngành nghề nông thôn; diêm nghiệp; xây dựng nông thôn mới; dự báo và thống kê; truy xuất nguồn gốc.

- Như vậy, CSDL ngành nông nghiệp là CSDL cũng rất lớn và đa dạng, dung lượng dữ liệu cần thu thập và quản lý cũng rất lớn, ngoài ra dữ liệu có mối liên hệ chặt chẽ, được hình thành từ nhiều CSDL thành phần do đó để xây dựng, hoàn thiện CSDL ngành nông nghiệp và kết nối, đồng bộ lên Trung tâm dữ liệu quốc gia (theo thời gian thực, đáp ứng: đúng, đủ, sạch, sống) cần có thời gian và nguồn lực, kinh phí lớn.

II. CÁC NHIỆM VỤ CẦN TRIỂN KHAI THEO Ý KIẾN CỦA C12

1. Các yêu cầu Bộ Nông nghiệp và Môi trường cần đảm bảo

(1) Phát triển nền tảng và các phần mềm nghiệp vụ dùng chung, kết nối thống nhất từ Trung ương đến địa phương, phục vụ công tác tạo lập và làm giàu dữ liệu, bảo đảm dữ liệu luôn đáp ứng các tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

(2) Dữ liệu được lưu trữ tập trung, quản lý thống nhất tại Trung ương, bảo đảm đồng bộ và dễ dàng khai thác.

(3) Toàn bộ nghiệp vụ được thực hiện trên hệ thống công nghệ thông tin, tự động hóa quy trình, không xử lý thủ công.

(4) Dữ liệu có phạm vi khai thác rộng, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý nội ngành và phối hợp, chia sẻ với các ngành, lĩnh vực liên quan.

(5) Bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Dữ liệu về an ninh, an toàn, bảo mật và mã hóa trong quá trình quản lý, khai thác dữ liệu.

2. Tổ chức tích hợp, đồng bộ CSDL

(1) Phối hợp Trung tâm Dữ liệu quốc gia thực hiện: (1) tích hợp, đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được quy định trong Nghị quyết 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 để lưu trữ và khai thác tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; (2) chuẩn hóa, tích hợp, liên thông và bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc trong cơ quan hệ thống chính trị theo Nghị định 278/NĐ-CP ngày 22/10/2025.

(2) Tổ chức cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin trong cơ sở dữ liệu và công bố phạm vi thông tin trong cơ sở dữ liệu được khai thác, sử dụng thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo mức độ hoàn thiện của cơ sở dữ liệu.

(3) Thực hiện đồng bộ Cơ sở dữ liệu về Trung tâm Dữ liệu quốc gia bao gồm các trường thông tin quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP; Nghị quyết số

214/NQ-CP; Nghị quyết số 11/NQ-CP hoặc do đơn vị chủ quản thống nhất với Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

(4) Thực hiện rà soát hiện trạng cơ sở dữ liệu, dịch vụ công đang quản lý, dịch vụ công đang cung cấp và hệ thống thông tin hiện hành để phối hợp với Trung tâm Dữ liệu quốc gia triển khai thực hiện bảo đảm thống nhất.

(5) Chủ quản hệ thống thông tin tham gia vào quá trình kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh thông tin, an ninh mạng trước và trong quá trình thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

(6) Bộ, ngành, địa phương tổ chức tự đánh giá sơ bộ mức độ đáp ứng các tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” của cơ sở dữ liệu theo quy định tại hướng dẫn. Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, đơn vị có văn bản đề nghị Trung tâm Dữ liệu Quốc gia phối hợp tổ chức đánh giá, thẩm định. Trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu, hai bên lập văn bản xác nhận, làm cơ sở để triển khai tích hợp, đồng bộ cơ sở dữ liệu về Trung tâm Dữ liệu Quốc gia.

(7) Thành lập tổ chuyên trách làm đầu mối phối hợp với Trung tâm Dữ liệu Quốc gia trước, trong và sau quá trình tích hợp, đồng bộ cơ sở dữ liệu. Tổ chuyên trách có trách nhiệm theo dõi, vận hành và duy trì cơ chế đồng bộ thường xuyên đối với dữ liệu phát sinh, dữ liệu thay đổi sau khi hoàn tất tích hợp ban đầu, nhằm bảo đảm dữ liệu luôn đúng, đủ, sạch và sống.

3. Khai thác, vận hành đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống cơ sở dữ liệu

(1) Đơn vị quản lý hệ thống có trách nhiệm bảo đảm an ninh, an toàn thông tin theo trách nhiệm của bộ phận quản trị vận hành được nêu tại Điều 22, Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ về bảo đảm an ninh thông tin theo cấp độ.

(2) Trong quá trình kết nối, các đơn vị có trách nhiệm bảo đảm vận hành hệ thống hoạt động ổn định, bảo đảm kết nối, đồng bộ dữ liệu về Trung tâm Dữ liệu quốc gia hoạt động 24/7, trong đó:

a. Cử đầu mối phối hợp trực tiếp giữa Trung tâm Dữ liệu quốc gia và đơn vị, bao gồm bộ phận quản trị dữ liệu, bộ phận vận hành hệ thống và bộ phận an ninh thông tin, có trách nhiệm theo dõi, quản trị vận hành bảo đảm việc đồng bộ dữ liệu hiệu quả, phòng ngừa tấn công an ninh mạng, gián đoạn dịch vụ;

b. Phối hợp xây dựng các kịch bản xử lý sự cố về dịch vụ đồng bộ dữ liệu, xử lý sự cố an ninh mạng chi tiết đối với từng dịch vụ bảo đảm an toàn dữ liệu.

(3) Trong các trường hợp hệ thống của đơn vị có sự thay đổi về mặt dịch vụ, hạ tầng,... làm gián đoạn về hoạt động kết nối đồng bộ dữ liệu, đơn vị có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về Trung tâm Dữ liệu quốc gia ngay sau khi thống nhất thay đổi, tối thiểu 1 ngày trước khi thay đổi được cập nhật lên hệ thống.

(4) Trong trường hợp phát hiện sự cố hệ thống, an ninh mạng, an toàn thông tin, các đơn vị có trách nhiệm liên hệ trực tiếp đến Trung tâm Dữ liệu quốc gia (Phòng quản trị dữ liệu) để thực hiện ngắt kết nối đồng bộ dữ liệu;

(5) Toàn bộ việc xử lý sự cố được nêu tại khoản 3, khoản 4 Điều này thực hiện trong vòng tối đa 01 ngày để khôi phục dịch vụ đồng bộ dữ liệu về Trung tâm Dữ liệu quốc gia. Trong các trường hợp khác không thể xử lý được theo thời gian đã nêu, Trung tâm Dữ liệu quốc gia có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Lãnh đạo Bộ để đề xuất các phương án xử lý bảo đảm đồng bộ dữ liệu hiệu quả.

4. Thực hiện việc kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu về Trung tâm Dữ liệu quốc gia

(1) Việc kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu phải bảo đảm tuân thủ kiến trúc, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chế an ninh, an toàn thông tin của các Bộ Luật liên quan quy định; Chính phủ; Bộ Công an và Trung tâm Dữ liệu quốc gia; bảo đảm yêu cầu an ninh, an toàn, bảo mật trong toàn trình xử lý dữ liệu.

(2) Việc kết nối và đồng bộ dữ liệu được thực hiện theo từng lớp, từng nhóm cơ sở dữ liệu; ưu tiên các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu dùng chung và dữ liệu có tần suất khai thác cao phục vụ chỉ đạo điều hành, nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ công.

(3) Trách nhiệm quản lý dữ liệu gốc thuộc cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu; Trung tâm Dữ liệu quốc gia chỉ thực hiện lưu trữ, điều phối dữ liệu theo phân quyền, không thay thế trách nhiệm tạo lập, cập nhật, làm sạch dữ liệu của các đơn vị nghiệp vụ.

(4) Việc đánh giá kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu được thực hiện theo quy trình kiểm tra, nghiệm thu kỹ thuật của Bộ ngành và Trung tâm Dữ liệu quốc gia; chỉ xác nhận hoàn tất khi dữ liệu đáp ứng đầy đủ yêu cầu về chất lượng, khả năng khai thác, an ninh, an toàn và được đánh giá, kiểm toán dữ liệu theo quy định.

5. Định nghĩa hoàn thành

a) Tiêu chí hoàn thành

- Hoàn thành về mặt pháp lý và tổ chức: đã ban hành Chiến lược, kế hoạch, lộ trình tích hợp; đã thành lập tổ chuyên trách đầu mối phối hợp; đã phân công rõ trách nhiệm quản lý dữ liệu gốc; đã thực hiện tự đánh giá chất lượng dữ liệu theo tiêu chí quy định.

- Hoàn thành về mặt kỹ thuật: Dữ liệu đã được chuẩn hóa theo Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung, Danh mục dữ liệu do bộ ngành ban hành; đã tích hợp, đồng bộ thành công các trường thông tin của CSDL về TTDLQG; hệ thống kết nối vận hành ổn định 24/7; quy trình nghiệp vụ và cơ chế đồng bộ tự động, không xử lý thủ công; có kịch bản xử lý sự cố, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin

- Hoàn thành về mặt chất lượng dữ liệu: Dữ liệu phải “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; được cơ quan chủ quản kiểm tra, xác thực trước khi chia sẻ; được Trung tâm Dữ liệu quốc gia đánh giá đạt yêu cầu; được kiểm toán dữ liệu theo quy định.

- Hoàn thành về mặt khai thác sử dụng: Dữ liệu được lưu trữ tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia; có khả năng khai thác phục vụ chỉ đạo điều hành, nghiệp vụ nội ngành, chia sẻ liên ngành, thay thế giấy tờ trong hồ sơ thủ tục hành chính.

a) Đánh giá công nhận

(1) Bộ ngành tổ chức tự tổ chức đánh giá sơ bộ mức độ đáp ứng tiêu chí dữ liệu và có văn bản đề nghị Trung tâm Dữ liệu quốc gia thẩm định.

(2) Bộ ngành và TTDLQG phối hợp tổ chức đánh giá thẩm định. Khi đạt yêu cầu, hai bên lập văn bản xác nhận hoàn thành tích hợp, đồng bộ làm cơ sở triển khai.

(3) Việc đánh giá kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu tuân thủ quy trình kiểm tra và nghiệm thu kỹ thuật của cả Bộ, ngành chủ quản và TTDLQG.

(1) Sau khi hoàn tất tích hợp ban đầu, việc công nhận trạng thái dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống” vẫn phải được duy trì thông qua cơ chế đồng bộ thường xuyên đối với các dữ liệu phát sinh hoặc thay đổi.

III. XÂY DỰNG HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC NÔNG SẢN

1. Kế hoạch tổ chức thực hiện

Ngày 02/02/2026, Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (*sau đây viết tắt là BCĐTW*) đã ban hành Chương trình công tác năm 2026 (Chương trình số 02-CTr/BCĐTW) về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, theo đó, BCĐTW giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan “*Nghiên cứu xây dựng, báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035, bao gồm việc xây dựng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, bảo đảm liên thông với các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp. Hoàn thành trong quý I/2026*”.

Ngày 28/12/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2815/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên triển khai ngay; trong đó giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai “*Ứng dụng truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm nông nghiệp*” giai đoạn 2025-2030.

Triển khai thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 78/2025/QH15 ngày 18/6/2025); Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Quyết định số 5272/QĐ-BNNMT ngày 13/12/2025 và Quyết định số 25/QĐ-BNNMT ngày 07/01/2026 về Kế hoạch triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

2. Tổ chức triển khai thực hiện

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã giao Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Cục Chuyên đổi số, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đã tổ chức thực hiện xây dựng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, cụ thể:

a) Mục tiêu

- Xây dựng được hệ thống truy xuất nguồn gốc (TXNG) nông sản để có công cụ quản lý thống nhất trên phạm vi toàn quốc về truy xuất nguồn gốc nông sản, phục vụ công tác quản lý, giám sát, điều tiết thị trường nông sản trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu; đồng thời có cơ sở, dữ liệu để cân đối vĩ mô, điều tiết sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp.

- Xây dựng Hệ thống TXNG nông sản và cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc, bảo đảm đúng nguyên tắc “Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Dùng chung” trong toàn ngành nông nghiệp và môi trường và liên thông với Cổng thông tin TXNG quốc gia và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định.

b) Kế hoạch và kết quả thực hiện

- Từ tháng 10/2025 đến nay (kể cả làm xuyên Tết), Công ty Netacom đã tổ chức xây dựng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản.

- Làm việc với một số doanh nghiệp tiên phong để triển khai truy xuất nguồn gốc nông sản, bao gồm: Gạo (do Công ty ThaiBinh Seed thực hiện); Cà phê; Các loại rau (do Công ty Masan tham gia); Các loại thịt nhập khẩu (do Công ty Thực phẩm Thiên Vương tham gia).

- Xây dựng dự thảo 30 quy trình nghiệp vụ quản lý TXNG đối với nông sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa, bao quát toàn bộ chuỗi từ đăng ký, cấp mã, quản lý sản lượng, giám sát đóng gói, kiểm nghiệm, xác thực lô hàng đến theo dõi lưu thông.

- Đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp xây dựng và tổ chức Lễ ra mắt Hệ thống TXNG nông sản. Trước mắt thí điểm áp dụng cho TXNG sầu riêng từ ngày 01/01 - 30/6/2026.

- Đang hoàn thiện Hệ thống TXNG để áp dụng cho toàn bộ hàng nông sản liên quan đến thực phẩm tiêu dùng trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu từ năm 2026.

- Ban hành văn bản số 1792/BNNMT-KHCN ngày 26/02/2026 gửi Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản.

- Xây dựng và có văn bản số 1612/BNNMT-KHCN ngày 13/02/2026 gửi các Bộ (Công an; Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Tư pháp; Công Thương; Y tế) và các đơn vị thuộc Bộ về việc cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường”.

3. Đề xuất, kiến nghị

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an hỗ trợ, hướng dẫn, cụ thể:

a) Cho ý kiến và đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo đề nghị tại văn bản số 1612/BNNMT-KHCN ngày 13/02/2026.

b) Xây dựng, kết nối với Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CỦA C12 ĐỐI VỚI BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(2) Xây dựng và vận hành tuân thủ Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia; Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia; Từ điển dữ liệu dùng chung.

(3) Làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” trước khi đồng bộ về Trung tâm Dữ liệu quốc gia, thống nhất với Từ điển dữ liệu và Danh mục dữ liệu do Bộ, ngành chủ quản ban hành; được kiểm tra, xác thực bởi cơ quan chủ quản dữ liệu trước khi chia sẻ.

(4) Tổ chức xây dựng, ban hành và triển khai Chiến lược, kế hoạch và lộ trình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến xây dựng, quản lý, khai thác và đồng bộ dữ liệu về Trung tâm Dữ liệu quốc gia; xác định rõ nhiệm vụ, phân công trách nhiệm, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

(5) Thống kê, phân loại và lập danh mục đối với dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, dữ liệu dùng chung, dữ liệu dùng riêng, dữ liệu mở và dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước đối với dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Luật Dữ liệu.

(6) Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền quy trình, hình thức và tổ chức các hoạt động xác thực dữ liệu trong phạm vi sở hữu, quản lý hoặc phối hợp với các tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử để thực hiện hoạt động này đúng theo pháp luật liên quan (Điều 20 Luật Dữ liệu; Điều 9 Nghị định 165/2025/NĐ-CP).

(7) Chuẩn hóa dữ liệu theo Thông tư số 08/2025/TT-BCA của Bộ Công an ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

(8) Xác định, ban hành, cập nhật bộ dữ liệu chủ chuyên ngành của đơn vị mình và tích hợp đầy đủ vào Hệ thống Từ điển dữ liệu dùng chung.